

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Hà Nội - Tháng 01 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	6 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		788.245.490.281	794.265.866.313
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		54.089.298.648	33.071.460.802
1. Tiền	111	5.1	13.089.298.648	25.071.460.802
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.000.000.000	8.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		414.370.361.058	476.725.128.422
1. Phải thu khách hàng	131		361.129.417.375	424.849.764.373
2. Trả trước cho người bán	132		42.234.754.310	33.032.670.680
4. Các khoản phải thu khác	135	5.2	13.851.728.535	21.688.232.531
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.845.539.162)	(2.845.539.162)
IV. Hàng tồn kho	140		315.376.927.473	278.953.844.866
1. Hàng tồn kho	141	5.3	315.376.927.473	278.953.844.866
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.408.903.102	5.515.432.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	177.224.660	104.277.026
2. Thuế và các khoản khác phải thu	154		-	1.208.490
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.231.678.442	5.409.946.707
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		220.295.911.479	190.194.132.738
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		53.494.655.914	64.214.065.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	52.348.901.466	60.991.009.115
- Nguyên giá	222		110.605.182.975	113.987.497.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.256.281.509)	(52.996.488.078)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.108.070.000	1.108.070.000
- Nguyên giá	228		1.108.070.000	1.108.070.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	37.684.448	2.114.986.319
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		162.208.776.547	120.569.575.547
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	64.056.706.547	32.473.075.547
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	98.152.070.000	88.096.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.592.479.019	5.410.491.757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	4.403.776.182	5.365.040.524
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		188.702.837	45.451.233
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.008.541.401.760	984.459.999.051

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		728.342.307.686	714.562.658.776
I. Nợ ngắn hạn	310		728.342.307.686	711.325.689.564
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	328.286.870.737	417.863.645.397
2. Phải trả người bán	312		169.788.429.735	142.866.300.701
3. Người mua trả tiền trước	313		132.974.351.655	43.962.932.883
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	28.821.926.863	25.178.418.589
5. Phải trả người lao động	315		20.873.334.336	23.248.365.605
6. Chi phí phải trả	316	5.13	6.596.983.788	9.542.845.703
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	25.415.909.389	30.935.880.209
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.15	10.836.660.250	10.836.660.250
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.747.840.933	6.890.640.227
II. Nợ dài hạn	330		-	3.236.969.212
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	-	1.305.637.500
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.357.622.621
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	573.709.091
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+ 430)	400		280.199.094.074	269.897.340.275
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	280.199.094.074	269.897.340.275
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.832.187.500	25.832.187.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(18.106.000.000)	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(28.434.973)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.153.853.642	11.153.853.642
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.565.870.180	8.565.870.180
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.000.000.000	3.000.000.000
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		109.753.182.752	81.373.863.926
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.008.541.401.760	984.459.999.051

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	TM	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.328	22.476

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 4/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		544.648.203.348	1.155.421.156.345
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	544.648.203.348	1.155.421.156.345
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	490.573.798.177	1.011.429.756.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.074.405.171	143.991.399.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	3.566.810.188	9.057.461.119
7. Chi phí tài chính	22	5.21	9.786.629.682	50.204.671.914
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.786.629.682	50.116.539.325
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.486.856.143	40.627.173.822
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		34.367.729.534	62.217.015.005
11. Thu nhập khác	31	5.22	1.670.171.128	3.454.938.690
12. Chi phí khác	32	5.22	45.071.326	1.327.339.490
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.625.099.802	2.127.599.200
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		35.992.829.336	64.344.614.205
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.770.210.203	10.236.189.995
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.291.080	(188.702.837)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		30.219.328.053	54.297.127.047
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.159	4.177

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012 VND	
1	2	4	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	0	64.344.614.205	
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.354.319.385	
- Các khoản dự phòng	03	(1.357.622.621)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.760.000.285)	
- Chi phí lãi vay	06	50.116.539.325	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	0	113.697.850.009	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	60.795.829.464	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(34.197.797.853)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	95.765.238.459	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.683.505.031	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(46.718.871.042)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.989.037.545)	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.142.799.294)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	179.893.917.229	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(890.306.709)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	547.372.812	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(38.668.306.388)	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	13.033.270.523	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.977.969.762)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32	(18.106.000.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	566.912.662.249	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(656.912.662.249)	
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.938.132.434)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	(132.044.132.434)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	20.989.402.873	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.071.460.802	
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	28.434.973	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	54.089.298.648	

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 11 năm 2012 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCC I

Trụ sở chính: Số 18 Lý Văn Phúc, Đống Đa, Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Văn phòng Công ty	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2. Chi nhánh I.3	Xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3. Chi nhánh I.6	Văn La, phường Văn Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
4. Trung tâm Tư vấn	Thôn Chợ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Giải thể ngày 31/5/2012)

Các Công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Ba La	Km 0 Quốc lộ 21B, xã Phú Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	Thôn chợ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I Miền Nam	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19, Khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	Xóm 7, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
5. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	Số 471 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
6. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Nàng Hương	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
7. Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh - Hyundai	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội
8. Công ty Cổ phần Tư vấn Điện I	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
9. Công ty Cổ phần Hóa phẩm Phụ gia Việt Nam	Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
10. Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện I - Miền Bắc	Thôn Chợ, Xã Đại Mỗ, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Thành lập ngày 01/6/2012)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản;
- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Khai thác và chế biến đá các loại;
- Đào tạo nghề xây lắp điện;
- Tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch và các dịch vụ khác;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất kinh doanh, thiết bị, kết cấu thép, kim khí, vật liệu xây dựng, vật liệu và phụ kiện công trình điện, chế tạo thiết bị xây dựng, thiết bị phi tiêu chuẩn, lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, đường dây cáp quang;
- Sản xuất, kinh doanh điện;
- Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là Xây lắp điện, Sản xuất công nghiệp và Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Năm tài chính/ Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/10/2012 đến 31/12/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Doanh thu hoạt động tài chính hoặc Chi phí hoạt động tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản khác	04 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông), Hội đồng thành viên Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến Hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của Hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của Hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc nhận định Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp điện, sản xuất công nghiệp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	655.810.104	1.767.178.744
Tiền gửi ngân hàng	12.433.488.544	23.304.282.058
Các khoản tương đương tiền	41.000.000.000	8.000.000.000
Tổng	<u>54.089.298.648</u>	<u>33.071.460.802</u>

5.2 Phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	13.851.728.535	21.688.232.531
Tổng	<u>13.851.728.535</u>	<u>21.688.232.531</u>

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.046.287.428	9.199.319.077
Công cụ, dụng cụ	33.750.000	33.750.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	306.296.890.045	269.720.775.789
Tổng	<u>315.376.927.473</u>	<u>278.953.844.866</u>

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	177.224.660	104.277.026
Tổng	<u>177.224.660</u>	<u>104.277.026</u>

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	4.169.411.102	5.409.946.707
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	62.267.340	
Tổng	<u>4.231.678.442</u>	<u>5.409.946.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 1/1/2012	40.730.990.363	44.656.232.743	22.672.882.311	5.496.816.566	430.575.210	113.987.497.193
Tăng trong kỳ	135.656.900	2.440.093.045	363.636.364	101.100.909	-	3.040.487.218
Mua trong kỳ	-	1.044.830.930	363.636.364	101.100.909	-	1.509.568.203
Xây dựng mới	135.656.900	0				135.656.900
Điều động nội bộ		1.395.262.115				1.395.262.115
Giảm trong kỳ	421.563.458	3.024.897.158	1.993.869.663	982.471.157	-	6.422.801.436
Thanh lý, nhượng bán	95.534.636	2.804.307.158	652.208.969	905.331.978	-	4.457.382.741
Góp vốn Công ty con	326.028.822	220.590.000	1.341.660.694	77.139.179	-	1.965.418.695
Số dư tại 31/12/2012	40.445.083.805	44.071.428.630	21.042.649.012	4.615.446.318	430.575.210	110.605.182.975
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 1/1/2012	12.830.544.647	25.984.116.219	11.606.146.506	2.528.881.548	46.799.158	52.996.488.078
Tăng trong kỳ	2.106.744.378	5.515.039.451	1.897.529.256	733.773.675	101.232.625	10.354.319.385
Khấu hao trong kỳ	2.106.744.378	5.515.039.451	1.897.529.256	733.773.675	101.232.625	10.354.319.385
Giảm trong kỳ	421.563.458	1.815.207.619	1.911.773.700	945.981.177	-	5.094.525.954
Thanh lý, nhượng bán	95.534.636	1.756.494.119	617.793.612	905.331.978	-	3.375.154.345
Góp vốn Công ty con	326.028.822	58.713.500	1.293.980.088	40.649.199	-	1.719.371.609
Số dư tại 31/12/2012	14.515.725.567	29.683.948.051	11.591.902.062	2.316.674.046	148.031.783	58.256.281.509
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	27.900.445.716	18.672.116.524	11.066.735.805	2.967.935.018	383.776.052	60.991.009.115
Tại 31/12/2012	25.929.358.238	14.387.480.579	9.450.746.950	2.298.772.272	282.543.427	52.348.901.466

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.7 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Mua sắm Tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	71.847.000
Nâng cấp xưởng Yên Thường, nhà kho	37.684.448	2.043.139.319
Tổng	37.684.448	2.114.986.319

5.8 Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Đại Mỗ	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Ba La	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	10.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Bắc	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hương	725.509.851	725.509.851
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Điện I	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	25.813.196.696	279.565.696
Công ty Cổ phần Hóa phẩm phụ gia Việt Nam	2.918.000.000	2.868.000.000
Tổng	64.056.706.547	32.473.075.547

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	10.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Bắc	3.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện, tư vấn đền bù
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I-Nàng Hương	10.000.000.000	100,00%	100,00%	Dịch vụ
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty CP Tư vấn Điện I	2.000.000.000	80,00%	80,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	2.857.000 USD	90,00%	90,00%	Sản xuất các loại cột thép mã kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan và cung cấp dịch vụ về mạ; mua bán thép, kẽm và vật tư phục vụ sản xuất chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện.
Công ty Cổ phần Hóa phẩm phụ gia Việt Nam	6.800.000.000	51,00%	51,00%	Sản xuất các sản phẩm dầu nhũ thủy lực, dầu cắt gọt kim loại

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.9 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	400.000	400.000
<i>Số tiền đã góp</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	300.000	300.000
<i>Số tiền đã góp</i>	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Gang thép Cao Bằng		
<i>Cổ phần đã mua</i>	7.528.380	6.586.500
<i>Số tiền đã góp</i>	92.130.300.000	82.711.500.000
Ngân hàng BIDV		
<i>Cổ phần đã mua</i>	44.420	-
<i>Số tiền đã mua</i>	821.770.000	185.000.000
Tổng số tiền đầu tư dài hạn	98.152.070.000	88.096.500.000

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng có ngành nghề kinh doanh là khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, vốn điều lệ là 380.000.000.000 đồng.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.403.776.182	5.365.040.524
Tổng	4.403.776.182	5.365.040.524

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội (1)</i>	90.549.940.616	109.046.342.926
<i>Ngân hàng Công thương Hà Tây (2)</i>	67.081.258.995	59.054.400.490
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (3)</i>	53.750.709.183	118.687.357.981
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4)</i>	68.674.417.943	-
<i>Vay cá nhân (5)</i>	48.230.544.000	131.075.544.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Tổng	328.286.870.737	417.863.645.397

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	20.679.277.090	15.797.610.048
Thuế xuất nhập khẩu	70.138.973	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.921.357.244	7.719.656.026
Thuế thu nhập cá nhân	70.620.210	1.113.223.472
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	80.533.346	547.929.043
Tổng	<u><u>28.821.926.863</u></u>	<u><u>25.178.418.589</u></u>

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí các công trình xây lắp	6.596.983.788	9.403.532.064
Chi phí khác	-	139.313.639
Tổng	<u><u>6.596.983.788</u></u>	<u><u>9.542.845.703</u></u>

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	765.769.236	760.888.102
Bảo hiểm xã hội	211.989.681	185.407.508
Bảo hiểm y tế	0	10.799.858
Bảo hiểm thất nghiệp	0	8.220.610
Phải trả phải nộp khác:	24.438.150.472	29.970.564.131
Tổng	<u><u>25.415.909.389</u></u>	<u><u>30.935.880.209</u></u>

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án cột viễn thông Ericsson	4.376.443.124	4.376.443.124
Cung cấp cột thép Đường dây Sơn La - Hiệp Hòa (lô 2.4)	6.460.217.126	6.460.217.126
Tổng	<u><u>10.836.660.250</u></u>	<u><u>10.836.660.250</u></u>

5.16 Vay dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	0	1.305.637.500
Tổng	<u><u>0</u></u>	<u><u>1.305.637.500</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu**Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	130.000.000.000	130.000.000.000
Tổng	140.000.000.000	140.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ/năm	140.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ/năm	-	40.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ/năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ/năm	140.000.000.000	140.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.917.808.219	20.000.000.000

Cổ phiếu giao dịch

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	14.000.000
Cổ phiếu quỹ	1.000.000	
Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/11	100.000.000.000	13.832.187.500		5.533.673	7.653.853.642	5.065.870.180	1.250.000.000	78.389.576.068	206.197.021.063
Tăng trong năm	40.000.000.000	12.000.000.000		4.218.659	3.500.000.000	3.500.000.000	1.750.000.000	35.934.287.858	96.688.506.517
Vốn góp	40.000.000.000	12.000.000.000		-	-	-	-	-	52.000.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-		-	3.500.000.000	3.500.000.000	1.750.000.000	-	8.750.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-		-	-	-	-	35.934.287.858	35.934.287.858
Tăng khác	-	-		4.218.659	-	-	-	-	4.218.659
Giảm trong năm	-	-		38.187.305	-	-	-	32.950.000.000	32.988.187.305
Trích lập các quỹ	-	-		-	-	-	-	12.950.000.000	12.950.000.000
Chia cổ tức	-	-		-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Giảm khác	-	-		38.187.305	-	-	-	-	38.187.305
Số dư tại 31/12/11	140.000.000.000	25.832.187.500		(28.434.973)	11.153.853.642	8.565.870.180	3.000.000.000	81.373.863.926	269.897.340.275
Số dư tại 01/01/12	140.000.000.000	25.832.187.500	0	(28.434.973)	11.153.853.642	8.565.870.180	3.000.000.000	81.373.863.926	269.897.340.275
Tăng trong kỳ	-	-	(18.106.000.000)	28.434.973	-	-	-	54.297.127.047	36.219.562.020
Lợi nhuận sau thuế	-	-		-	-	-	-	54.297.127.047	54.297.127.047
Tăng khác	-	-	(18.106.000.000)	28.434.973	-	-	-	-	-18.077.565.027
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	25.917.808.219	25.917.808.219
Chia cổ tức 2011	-	-		-	-	-	-	25.917.808.219	25.917.808.219
Giảm khác	-	-		-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/12	140.000.000.000	25.832.187.500	(18.106.000.000)	-	11.153.853.642	8.565.870.180	3.000.000.000	109.753.182.752	280.199.094.074

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.18 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	857.805.148.668
Doanh thu gia công sản phẩm	241.787.267.120
Doanh thu khác	55.828.740.557
Tổng	<u><u>1.155.421.156.345</u></u>

5.19 Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	722.183.663.809
Giá vốn gia công sản phẩm	239.405.722.433
Giá vốn khác	49.840.370.481
Tổng	<u><u>1.011.429.756.723</u></u>

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.990.952.064
Cổ tức lợi nhuận được chia	7.066.509.055
Tổng	<u><u>9.057.461.119</u></u>

5.21 Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012 VND
Lãi tiền vay	50.116.539.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.132.589
Tổng	<u><u>50.204.671.914</u></u>

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012 VND
Thu nhập khác	
Thanh lý Tài sản cố định, dụng cụ kéo dây	1.784.767.562
Thu nhập khác	1.670.171.128
Tổng	3.454.938.690
Chi phí khác	
Giá trị còn lại tài sản cố định	1.113.952.885
Chi phí khác	213.386.605
Tổng	1.327.339.490
Lợi nhuận khác	2.127.599.200

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 4/2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	54.297.127.047
Các khoản điều chỉnh	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phiếu phổ thông	54.297.127.047
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	4.177

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số dư tại ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán, đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nên không có số liệu so sánh tương ứng.

Người lập biểu

Trưởng Phòng TCKT

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc

Phạm Thanh Bình

Đoàn Thị Liên

Trịnh Văn Tuấn